



CÁC SỐ ĐẶC TRƯNG CỦA MẪU SỐ LIỆU KHÔNG GHÉP NHÓM

BÀI 13. CÁC SỐ ĐẶC TRƯNG ĐO XU THẾ TRUNG TÂM



HỆ THỐNG BÀI TẬP CÂU HỎI 4 MỆNH ĐỀ TRẢ LỜI ĐÚNG/SAI.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Bảng sau đây cho biết số chỗ ngồi của một số sân vận động được sử dụng trong Giải Bóng đá vô địch Quốc gia năm 2018 (số liệu gần đúng).

Sân vận động	Cẩm Phả	Thiên Trường	Hàng Đẫy	Thanh Hóa	Mỹ Đình
Chỗ ngồi	20120	21315	23405	20120	37546

- a) Số trung bình của mẫu số liệu là 24501,3.
b) Một của mẫu số liệu là 20120.
c) Trung vị của mẫu số liệu là 21315.
d) Nếu bỏ đi số liệu chỗ ngồi của Sân vận động Mỹ Đình thì một của mẫu số liệu không thay đổi.

Lời giải

a) Sai	b) Đúng	c) Đúng	d) Đúng
--------	---------	---------	---------

a) Số trung bình của mẫu số liệu là

$$\bar{x} = \frac{20120 + 21315 + 23405 + 20120 + 37546}{5} = 24501,2 \text{ nên mệnh đề sai.}$$

b) Giá trị 20120 có tần số xuất hiện nhiều nhất do đó một của mẫu số liệu là $M_o = 20120$ nên mệnh đề **đúng**.

c) Sắp xếp số liệu theo thứ tự không giảm 20120 20120 21315 23405 37546. Trung vị của mẫu số liệu là $M_e = 21315$ nên mệnh đề **đúng**.

d) Nếu bỏ đi số liệu chỗ ngồi của Sân vận động Mỹ Đình. Khi đó sắp xếp số liệu theo thứ tự không giảm 20120 20120 21315 23405 .

Một của mẫu số liệu là $M_o = 20120$ nên mệnh đề **đúng**.

Câu 2: Một cửa hàng bún đậu vừa khai trương, thống kê lượng khách tới quán trong 7 ngày đầu và thu được mẫu số liệu sau:



Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7
575	454	400	325	351	333	412

- a) Số trung bình làm tròn đến hàng phần trăm của mẫu số liệu là 407,14.
 b) Số trung vị của mẫu số liệu là 263.
 c) Ngày 1 là một của mẫu số liệu này.
 d) Nếu ngày 6 có 400 lượt khách thì một của mẫu số liệu là ngày 3.

Lời giải

a) Đúng	b) Sai	c) Sai	d) Sai
---------	--------	--------	--------

a) Số trung bình là $\bar{x} = \frac{575 + 454 + 400 + 325 + 351 + 333 + 412}{7} \approx 407,142857$ nên mệnh đề đúng.

b) Sắp xếp số liệu theo thứ tự không giảm 325 333 351 400 412 454 575. Trung vị của mẫu số liệu là $M_e = 400$ nên mệnh đề sai.

c) Ngày 1 không là một nên mệnh đề sai.

d) Nếu ngày 6 có 400 lượt khách thì một là 400 mà không phải là ngày 3 nên mệnh đề sai.

Câu 3: Hai phương pháp học Toán khác nhau được áp dụng cho lớp 10A, 10B. Sau một học kì, điểm khảo sát của hai lớp như sau:

LỚP A				
2	7	6	3	9
8	6	7	9	2
5	7	5	9	8
8	7	4	3	5
5	4	5	7	7

LỚP B				
6	7	6	4	7
9	3	8	7	5
5	6	8	7	4
5	3	10	7	9
6	7	6	7	5

- a) Điểm trung bình của hai lớp là bằng nhau.
 b) Số trung vị của hai bảng số liệu bằng nhau.
 c) Một của hai bảng số liệu bằng nhau.
 d) Phương pháp lớp A hiệu quả hơn lớp B.

Lời giải

a) Sai	b) Đúng	c) Đúng	d) Sai
--------	---------	---------	--------

a) Số trung bình là $\bar{x}_A = 5,92$, $\bar{x}_B = 6,28$ mệnh đề sai.

b) Đối với lớp A: Sắp xếp số liệu theo thứ tự không giảm

2 2 3 3 4 4 5 5 5 5 5 6 6 7 7 7 7 7 7 8 8 8 9 9 9.

Số trung vị của mẫu số liệu là $M_e = 6$.



Đối với lớp B: Sắp xếp số liệu theo thứ tự không giảm

3 3 4 4 5 5 5 5 6 6 6 6 6 6 7 7 7 7 7 7 7 8 8 9 9 10

Số trung vị của mẫu số liệu là $M_e = 6$. nên mệnh đề **đúng**.

c) Đối với lớp A: điểm 7 xuất hiện 6 lần là nhiều nhất nên một của mẫu số liệu là $M_o = 7$.

Đối với lớp B: điểm 7 xuất hiện 6 lần là nhiều nhất nên một của mẫu số liệu là $M_o = 7$.

nên mệnh đề **đúng**.

d) Đối với lớp A: Sắp xếp số liệu theo thứ tự không giảm

2 2 3 3 4 4 5 5 5 5 5 6 6 7 7 7 7 7 7 8 8 8 9 9 9.

Tứ phân vị $Q_1 = 4.5$; $Q_2 = 6$; $Q_3 = 7.5$.

Đối với lớp B: Sắp xếp số liệu theo thứ tự không giảm

3 3 4 4 5 5 5 5 6 6 6 6 6 6 7 7 7 7 7 7 7 8 8 9 9 10

Tứ phân vị $Q_1 = 5$; $Q_2 = 6$; $Q_3 = 7$.

Dựa vào các số liệu trên thì điểm trung bình lớp 10B cao hơn; Tứ phân vị mẫu số liệu lớp B thể hiện độ phân tán điểm đều hơn, k chênh lệch nhau nhiều nên phương pháp lớp B hiệu quả hơn, chất lượng học tập đồng đều hơn. Do đó mệnh đề **sai**.

Câu 4: Mẫu số liệu về chiều cao của học sinh trong một lớp 10 được sắp xếp như sau:

161; 162; 163; 164; 165; 166; 167; 168; 169; 170; 171 (mm)

a) Số trung bình của mẫu số liệu là $\bar{x} = 166$.

b) Số trung vị của mẫu số liệu là $M_e = 167$.

c) Tứ phân vị thứ ba của mẫu số liệu là $Q_3 = 169$

d) trung bình và số trung vị bằng nhau.

Lời giải

a) Đúng	b) Sai	c) Đúng	d) Đúng
---------	--------	---------	---------

a) Ta có số trung bình của mẫu số liệu là:

$$\bar{x} = \frac{161 + 162 + 163 + 164 + 165 + 166 + 167 + 168 + 169 + 170 + 171}{11} = 166. \text{ Suy ra mệnh đề đúng.}$$

b) Số các số liệu là $N = 11$ (lẻ).

Các số liệu đã sắp xếp theo thứ tự không giảm nên số trung vị là số đứng thứ 6.

Vậy số trung vị là $M_e = 166$. Suy ra mệnh đề **sai**.

c) Tứ phân vị thứ ba là trung vị của mẫu 167; 168; 169; 170; 171. Do đó $Q_3 = 169$. Suy ra mệnh đề **đúng**.

d) Ta có số trung bình của mẫu số liệu là $\bar{x} = 166$.

Số trung vị của mẫu số liệu là $M_e = 166$ nên số trung bình và số trung vị bằng nhau.



Suy ra mệnh đề **đúng**.

Câu 5: Cho các số liệu thống kê về sản lượng chè thu được trong 1 năm (kg/sào) của 20 hộ gia đình như sau:

Giá trị x	111	112	113	114	115	116	117	
Tần số	1	3	4	2	5	4	1	$N = 20$

- a) Mốt của mẫu số liệu là $M_0 = 115$.
- b) Số trung bình của mẫu số liệu là $\bar{x} = 114,15$.
- c) Số trung vị của mẫu số liệu là $M_e = 114$.
- d) Tứ phân vị của mẫu số liệu là $Q_1 = 112,5$, $Q_2 = 114,5$, $Q_3 = 115,5$

Lời giải

a) Đúng	b) Đúng	c) Sai	d) Sai
---------	---------	--------	--------

a) Ta có do giá trị 115 có tần số lớn nhất là 5 nên ta có: $M_0 = 115$. Suy ra mệnh đề **đúng**.

b) Ta có số trung bình của mẫu số liệu là:

$$\bar{x} = \frac{111.1 + 112.3 + 113.4 + 114.2 + 115.5 + 116.4 + 117.1}{20} = 114,15. \text{ Suy ra mệnh đề } \mathbf{đúng}.$$

c) Ta có mẫu số liệu gồm 20 giá trị nên trung vị là $M_e = \frac{114 + 115}{2} = 114,5$. Suy ra mệnh đề **sai**.

d) Ta có $N = 20$ là số chẵn, nên giá trị tứ phân vị thứ hai là $Q_2 = 114,5$.

$$\text{Tứ phân vị thứ nhất là } Q_1 = \frac{113 + 113}{2} = 113. \text{ Tứ phân vị thứ ba là } Q_3 = \frac{115 + 116}{2} = 115,5.$$

Suy ra mệnh đề **sai**.

Câu 6: Bác Nam và Bác Linh ghi lại số cuộc điện thoại mà mỗi người gọi mỗi ngày trong 10 ngày được lựa chọn ngẫu nhiên từ tháng 01/2024 ở bảng sau:

Bác Nam	2	7	3	6	1	4	1	4	5	1
Bác Linh	1	3	1	2	3	4	1	2	20	2

- a) Mốt của mẫu số liệu của Bác Nam là $M_0 = 1$.
- b) Số trung bình của số cuộc điện thoại mà Bác Linh gọi là 3,9.
- c) Xét theo số trung bình Bác Nam gọi điện thoại thường xuyên hơn.
- d) Nên dùng trung vị để so sánh số cuộc gọi của Bác Nam và Bác Linh

Lời giải

a) Đúng	b) Đúng	c) Sai	d) Đúng
---------	---------	--------	---------

a) Ta có số ngày có một cuộc gọi là 3 ngày nên mốt của mẫu số liệu của Bác Nam là $M_0 = 1$. Suy ra mệnh đề **đúng**.

b) Ta có số trung bình của số cuộc điện thoại mà Bác Linh gọi là



$$\bar{x} = \frac{1.3 + 2.3 + 3.2 + 4 + 20}{10} = 3,9. \text{ Suy ra mệnh đề đúng.}$$

c) Ta có số trung bình của số cuộc điện thoại mà Bác Nam gọi là

$$\bar{x} = \frac{1.3 + 2 + 3 + 4.2 + 5 + 6 + 7}{10} = 3,4. \text{ Do đó xét theo số trung bình Bác Linh gọi điện thoại}$$

thường xuyên hơn. Suy ra mệnh đề sai.

d)

	Q_1	Q_2	Q_3
Bác Nam	1	3,5	5
Bác Linh	1	2	3

Dựa vào bảng trên nên dùng trung vị để so sánh số cuộc gọi của Bác Nam và Bác Linh

Suy ra mệnh đề đúng.

Câu 7: Cho bảng số liệu thống kê chiều cao của một nhóm học sinh như sau:

150	153	153	154	154	155	160	160	162	162	163	163	163	165	165	167
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

a) Có 16 học sinh được thống kê chiều cao.

b) Chiều cao trung bình của nhóm học sinh là 160.

c) Số trung vị của mẫu số liệu là 160.

d) Tứ phân vị thứ nhất của mẫu số liệu trên là 154.

Lời giải

a) Đúng	b) Sai	c) Sai	d) Đúng
---------	--------	--------	---------

a) Có 16 học sinh được thống kê chiều cao. Suy ra mệnh đề đúng.

b) Chiều cao trung bình của nhóm học sinh là:

$$\bar{x} = \frac{150 + 153.2 + 154.2 + \dots + 167}{16} = 159,3125. \text{ Suy ra mệnh đề sai.}$$

c) Số trung vị của mẫu số liệu là: $M_e = \frac{x_8 + x_9}{2} = \frac{160 + 162}{2} = 161. \text{ Suy ra mệnh đề sai.}$

d) Tứ phân vị thứ nhất của mẫu số liệu trên là:

$$Q_1 = \frac{x_4 + x_5}{2} = \frac{154 + 154}{2} = 154. \text{ Suy ra mệnh đề đúng.}$$

Câu 8: Nhiệt độ trung bình hàng tháng trong một năm được ghi lại trong bảng sau:

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16	20	25	28	30	30	28	25	25	20	18	16

a) Một của mẫu số liệu là 30.

b) Nhiệt độ trung bình của các tháng trong năm là 25.

c) Số trung vị của mẫu số liệu là 25.



d) Tứ phân vị thứ ba của mẫu số liệu trên là 28.

Lời giải

a) Sai	b) Sai	c) Đúng	d) Đúng
--------	--------	---------	---------

Ta có bảng tần số sau

Nhiệt độ	16	18	20	25	28	30	
Tần số	2	1	2	3	2	2	$n = 12$

a) Một của mẫu số liệu là 25. Suy ra mệnh đề **sai**.

b) Nhiệt độ trung bình của các tháng trong năm là

$$\bar{x} = \frac{16.2 + 18.1 + 20.2 + 25.3 + 28.2 + 30.2}{12} \approx 23,42. \text{ Suy ra mệnh đề } \mathbf{sai}.$$

c) Số trung vị của mẫu số liệu là $M_e = \frac{x_6 + x_7}{2} = \frac{25 + 25}{2} = 25$. Suy ra mệnh đề **đúng**.

d) Tứ phân vị thứ ba của mẫu số liệu trên là:

$$Q_3 = \frac{x_9 + x_{10}}{2} = \frac{28 + 28}{2} = 28. \text{ Suy ra mệnh đề } \mathbf{đúng}.$$

Câu 9: Cho bảng số liệu điểm kiểm tra môn Toán của 20 học sinh.

Điểm	4	5	6	7	8	9	10	Cộng
Số học sinh	1	2	3	4	5	4	1	20

a) Một của mẫu số liệu là 5.

b) Điểm kiểm tra trung bình của nhóm học sinh là 5.

c) Số trung vị của mẫu số liệu là 7.

d) Tứ phân vị thứ nhất của mẫu số liệu trên là 6.

Lời giải

a) Sai	b) Sai	c) Sai	d) Đúng
--------	--------	--------	---------

a) Một của mẫu số liệu là 8. Suy ra mệnh đề **sai**.

b) Điểm kiểm tra trung bình của nhóm học sinh là $\bar{x} = \frac{4.1 + 5.2 + \dots + 10.1}{20} = 7,3$.

Suy ra mệnh đề **sai**.

c) Số trung vị của mẫu số liệu là $M_e = \frac{x_{10} + x_{11}}{2} = \frac{7 + 8}{2} = 7,5$. Suy ra mệnh đề **sai**.

d) Tứ phân vị thứ nhất của mẫu số liệu trên là:

$$Q_1 = \frac{x_5 + x_6}{2} = \frac{6 + 6}{2} = 6. \text{ Suy ra mệnh đề } \mathbf{đúng}.$$

Câu 10: Sản lượng lúa (tạ) của 40 thửa ruộng thí nghiệm có cùng diện tích được trình bày trong bảng phân bố tần số sau đây:



Sản lượng	20	21	22	23	24
Tần số	5	8	n	m	6

- a) Với $m=13, n=8$ thì một của mẫu số liệu trên là 23 tạ
- b) Với $m=13, n=8$ thì sản lượng trung bình của 40 thửa ruộng trên làm tròn đến hàng phần trăm là 19,92 tạ
- c) Với $m=13, n=8$ thì số trung vị của mẫu số liệu trên là 21
- d) Biết sản lượng trung bình của 40 thửa ruộng là 22,1 tạ khi đó $n=11$

Lời giải

a) Đúng	b) Sai	c) Sai	d) Đúng
---------	--------	--------	---------

Với $m=13, n=8$ ta có bảng sản lượng của 40 thửa ruộng như sau

Sản lượng	20	21	22	23	24
Tần số	5	8	8	13	6

(Áp dụng cho các câu a), b), c))

a) Dựa vào bảng phân bố tần số của mẫu số liệu trên ta thấy sản lượng có tần số lớn nhất là 23 tạ. Suy ra mệnh đề **đúng**.

b) Sản lượng trung bình của 40 thửa ruộng trên là

$$\bar{x} = \frac{5.20 + 8.21 + 8.22 + 13.23 + 6.24}{40} = 19,93. \text{ Suy ra mệnh đề sai}$$

c) Do số thửa ruộng là 40 là số chẵn nên số trung vị là trung bình cộng của hai số hạng đứng chính giữa là số hạng thứ 20 và 21 khi đó $M_e = \frac{22+22}{2} = 22$. Suy ra mệnh đề **sai**.

d) Ta có $5+8+n+m+6=40 \Leftrightarrow n+m=21$.

Sản lượng trung bình của 40 thửa ruộng là 22,1 nên

$$\frac{1}{40}(5.20 + 8.21 + n.22 + m.23 + 6.24) = 22,1 \Leftrightarrow 22n + 23m = 472.$$

$$\text{Giải hệ phương trình } \begin{cases} n+m=21 \\ 22n+23m=472 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} n=11 \\ m=10 \end{cases}.$$

Suy ra mệnh đề **đúng**.

Câu 11: Khối lượng cơ thể lúc trưởng thành của 11 con chim được ghi lại ở bảng sau (đơn vị: gam).

165	150	155	165	170	165	150	155	170	165	160
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

(các kết quả làm tròn đến hàng đơn vị)

- a) Một của mẫu số liệu trên là 165 gam
- b) Tứ phân vị dưới của mẫu số liệu trên là 160
- c) Khối lượng trung bình của 11 con chim đó là 161



d) Mẫu số liệu tập trung mật độ cao bên phải Q_2 và mật độ thấp bên trái Q_2 .

Lời giải

a) Đúng	b) Sai	c) Đúng	d) Đúng
---------	--------	---------	---------

a) Ta thấy khối lượng cơ thể lúc trưởng thành của con chim có giá trị 165 gam là xuất hiện nhiều nhất. Như vậy một của mẫu số liệu trên là 165. Suy ra mệnh đề **đúng**.

b) Sắp xếp mẫu số liệu trên theo thứ tự không giảm ta được
150 150 155 155 160 165 165 165 165 170 170.

Ta thấy dãy số liệu trên có 11 giá trị nên trung vị là số hạng đứng thứ 6 $M_e = Q_2 = 165$.

Nửa số liệu bên trái Q_2 gồm 150 150 155 155 160. Trung vị của nửa số liệu bên trái là tứ phân vị dưới $Q_1 = 155$. Suy ra mệnh đề **sai**.

c) Khối lượng trung bình của 11 con chim đó là

$$\bar{x} = \frac{165+150+155+165+170+165+150+155+170+165+160}{11} \approx 161. \text{ Suy ra mệnh đề } \mathbf{đúng}.$$

d) Các tứ phân vị trong mẫu số liệu trên là: $Q_1 = 155; Q_2 = 165; Q_3 = 165$. Ta thấy khoảng cách từ Q_1 đến Q_3 là 10, trong khi đó khoảng cách từ Q_2 đến Q_3 là 0. Điều này cho thấy mẫu số liệu tập trung mật độ cao bên phải Q_2 , và mật độ thấp bên trái Q_2 . Suy ra mệnh đề **đúng**.

Câu 12: Bảng sau đây cho biết số chỗ ngồi của một số sân vận động được sử dụng trong Giải Bóng đá Vô địch Quốc gia Việt Nam năm 2022 (số liệu gần đúng).

Sân vận động	Cẩm Phả	Thiên Trường	Hàng Đẫy	Thanh Hoá	Mỹ Đình
Chỗ ngồi	20120	21316	23407	20120	37546

a) Một của mẫu số liệu trên là 20120

b) Trung vị của mẫu số liệu trên là 23407

c) Số chỗ ngồi đã được sử dụng trung bình của 5 sân đó là 24502

d) Nếu bỏ đi số liệu chỗ ngồi của Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình thì một không thay đổi số trung bình và trung vị sẽ thay đổi.

Lời giải

a) Đúng	b) Sai	c) Đúng	d) Đúng
---------	--------	---------	---------

a) Ta thấy có hai sân có số chỗ ngồi 20120 xuất hiện nhiều nhất. Như vậy một của mẫu số liệu trên là 20120. Suy ra mệnh đề **đúng**.

b) Sắp xếp số liệu theo thứ tự không giảm 20120 20120 21316 23407 37546.

Trung vị của mẫu số liệu trên là 21316. Suy ra mệnh đề **sai**.

c) Số trung bình là $\frac{20120+21316+23407+20120+37546}{5} \approx 24502$. Suy ra mệnh đề **đúng**.

d) Nếu bỏ số liệu chỗ ngồi của Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình thì ta có

$$\text{Số trung bình là } \frac{20120+21316+23407+20120}{4} = 21241.$$

Sắp xếp số liệu theo thứ tự không giảm 20120 20120 21316 23407.



Mốt là 20120.

Trung vị 20718.

Vậy nếu bỏ số liệu chỗ ngồi của Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình thì một giữ nguyên, số trung bình và trung vị sẽ thay đổi. Suy ra mệnh đề **đúng**.

Câu 13: Kết quả điểm kiểm tra môn Toán của 40 học sinh lớp 10A được trình bày ở bảng sau

Điểm	4	5	6	7	8	9	10	Cộng
Tần số	2	8	7	10	8	3	2	40

a) Mốt của mẫu số liệu là $M_0 = 10$.

b) Tổng số học sinh có điểm đạt từ 8 điểm trở lên là 5.

c) Số trung bình cộng của bảng trên (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân) là 6,8.

d) Số trung vị của mẫu số liệu là 7.

Lời giải

a) Sai	b) Sai	c) Đúng	d) Đúng
--------	--------	---------	---------

a) Điểm 7 có tần số lớn nhất nên mốt của mẫu số liệu là $M_0 = 7$. Suy ra mệnh đề **sai**.

b) Tổng số học sinh có điểm đạt từ 8 điểm trở lên là $8 + 3 + 2 = 13$. Suy ra mệnh đề **sai**.

c) Số trung bình cộng của bảng đã cho là

$$(4.2 + 5.8 + 6.7 + 7.10 + 8.8 + 9.3 + 10.2) : 40 = 6,775 \approx 6,8.$$

Suy ra mệnh đề **đúng**.

d) Bảng số liệu có 40 giá trị nên số trung vị là trung bình cộng của giá trị thứ 20 và 21. Do đó số trung vị $Q_2 = \frac{7+7}{2} = 7$. Suy ra mệnh đề **đúng**.

Câu 14: Chỉ số IQ của một nhóm học sinh có kết quả như sau: 60 72 63 83 68 90 74 86 74 80 82.

a) Mốt của mẫu số liệu là $M_0 = 90$.

b) Số trung bình cộng của mẫu số liệu (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân) là 75,6.

c) Số trung vị của mẫu số liệu là 74.

d) Tổng của tứ phân vị thứ nhất và thứ 3 là 151.

Lời giải

a) Sai	b) Đúng	c) Đúng	d) Đúng
--------	---------	---------	---------

Sắp xếp mẫu số liệu theo thứ tự không giảm là: 60 63 68 72 74 74 80 82 83 86 90

a) Mốt của mẫu số liệu là $M_0 = 74$. Suy ra mệnh đề **Sai**.

b) Số trung bình cộng của bảng đã cho là

$$(60 + 63 + 68 + 72 + 74 + 74 + 80 + 82 + 83 + 86 + 90) : 11 \approx 75,6$$

Suy ra mệnh đề **đúng**.

c) Dựa vào kết quả của mẫu số liệu đã sắp xếp theo thứ tự không giảm



Dãy trên có 11 giá trị nên ta lấy giá trị ở chính giữa là 74. Suy ra mệnh đề **đúng**.

d) Tổng của tứ phân vị thứ nhất và thứ ba là $Q_1 + Q_3 = 68 + 83 = 151$. Suy ra mệnh đề **đúng**.

Câu 15: Cho bảng phân bố tần số khối lượng 30 quả trứng gà của một rô trứng gà:

Khối lượng (g)	Tần số
25	3
30	5
35	10
40	6
45	4
50	2
Cộng	30

a) Số quả trứng gà có khối lượng 40g trong rô trứng là 6 .

b) Tổng số trứng trong rô có khối lượng nhỏ hơn 35g là 18 .

c) Khối lượng trung bình cộng của rô trứng gà là 36,5 .

d) Tứ phân vị thứ nhất của bảng số liệu là 30 .

Lời giải

a) Đúng	b) Sai	c) Đúng	d) Đúng
----------------	---------------	----------------	----------------

a) Số quả trứng gà có khối lượng 40g trong rô trứng là 6 . Suy ra mệnh đề **đúng**.

b) Tổng số trứng trong rô có khối lượng nhỏ hơn 35g là 8 . Suy ra mệnh đề **sai**.

c) Số trung bình cộng của bảng đã cho là

$$(25.3 + 30.5 + 35.10 + 40.6 + 45.4 + 50.2) : 30 = 36,5 . \text{ Suy ra mệnh đề } \mathbf{đúng}.$$

d) Bảng số liệu có 30 giá trị nên tứ phân vị thứ nhất Q_1 đứng ở vị trí thứ 8. Vậy $Q_1 = 30$. Suy ra mệnh đề **đúng**.